

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tasco trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần 13 ngày 16 tháng 01 năm 2015. Vốn điều lệ của Công ty là 946.474.910.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/4/2008 do Giám đốc Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 11/4/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là HUT.

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch
	Ông Phạm Văn Lương	Phó Chủ tịch
	Ông Cao Văn Hưng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 05/6/2014)
	Ông Nguyễn Ngọc Hùng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 05/6/2014)
	Bà Trần Thị Thanh Tân	Ủy viên
	Ông Vũ Quang Lâm	Ủy viên
	Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên
Bà Phạm Thị Nhân	Ủy viên	

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Vũ Quang Lâm	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 12/5/2014)
	Ông Cao Văn Hưng	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 12/5/2014)
	Ông Hà Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc Thầu xây dựng (Miễn nhiệm ngày 06/6/2014)
	Ông Nguyễn Đức Kiên	Phó Tổng Giám đốc Thầu xây dựng (Bổ nhiệm ngày ngày 06/6/2014)
	Ông Trịnh Xuân Nam	Miễn nhiệm ngày 08/11/2014 Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 08/11/2014)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Vũ Quang Lâm
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Số: 178 /2015/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Tasco

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tasco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tasco, được lập ngày 24 tháng 3 năm 2015, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2013-075-1

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens***Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015*

Trần Thị Hương Quỳnh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1618-2013-075-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		716.969.741.392	1.001.044.385.764
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	111.813.807.393	24.436.676.575
1. Tiền	111		54.613.807.393	24.179.676.575
2. Các khoản tương đương tiền	112		57.200.000.000	257.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		12.372.092.168	38.579.510.005
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	12.372.092.168	38.579.510.005
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		489.949.362.703	800.741.924.196
1. Phải thu khách hàng	131		380.666.291.338	495.834.316.788
2. Trả trước cho người bán	132		67.311.478.685	148.254.663.540
5 Các khoản phải thu khác	135	5.3	42.219.542.998	157.412.086.333
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(247.950.318)	(759.142.465)
IV- Hàng tồn kho	140		55.219.853.353	116.720.126.563
1. Hàng tồn kho	141	5.4	55.219.853.353	116.720.126.563
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		47.614.625.775	20.566.148.425
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.5	21.390.765.860	5.162.693.215
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.5	1.217.822.467	371.141.874
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	25.006.037.448	15.032.313.336
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		2.940.060.530.544	2.370.943.002.379
I Các khoản phải thu dài hạn	210		638.075.247.730	684.677.283.048
4. Phải thu dài hạn khác	218	5.7	638.075.247.730	684.677.283.048
II- Tài sản cố định	220		1.553.855.081.296	1.300.176.984.944
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	26.749.583.405	17.912.905.553
- Nguyên giá	222		43.070.311.641	34.895.294.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.320.728.236)	(16.982.388.622)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	96.790.975	122.575.421
- Nguyên giá	228		656.459.888	750.596.888
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(559.668.913)	(628.021.467)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.10	1.527.008.706.916	1.282.141.503.970
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		742.769.077.898	380.981.258.522
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.11	639.445.715.898	356.486.724.238
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.12	20.769.700.000	19.450.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.13	85.212.349.400	6.840.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(2.658.687.400)	(1.795.465.716)
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.361.123.620	5.107.475.865
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	5.361.123.620	5.107.475.865
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.657.030.271.936	3.371.987.388.143

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mẫu B 01-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.399.105.358.819	2.667.914.832.047
I- Nợ ngắn hạn	310		691.435.530.001	955.224.040.531
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.15	297.674.184.019	482.509.491.851
2. Phải trả người bán	312		122.423.061.403	199.818.881.122
3. Người mua trả tiền trước	313		132.806.188.684	87.623.905.695
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	682.838.799	342.024.979
5. Phải trả người lao động	315		6.780.743.302	2.262.766.210
6. Chi phí phải trả	316	5.17	13.804.809.973	17.321.812.532
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.18	115.506.314.712	162.729.874.483
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.757.389.109	2.615.283.659
II- Nợ dài hạn	330		1.707.669.828.818	1.712.690.791.516
3. Phải trả dài hạn khác	333	5.19	910.701.356.807	976.740.681.620
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.20	796.616.630.230	735.575.540.843
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		351.841.781	374.569.053
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		1.257.924.913.117	704.072.556.096
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.21	1.257.924.913.117	704.072.556.096
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		946.474.910.000	646.474.910.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.734.064.565	5.154.600.587
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.186.408.842	31.186.408.842
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		11.702.809.063	11.202.809.063
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		262.826.720.647	10.053.827.604
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.657.030.271.936	3.371.987.388.143

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
4 Nợ khó đòi đã xử lý		1.211.905.923	504.297.458

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh



Lê Thị Ngọc



Vũ Quang Lâm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	915.808.906.132	706.762.871.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	6.777.246.025	11.210.489.233
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	909.031.660.107	695.552.382.025
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	871.294.645.514	630.214.568.885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		37.737.014.593	65.337.813.140
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	273.927.215.625	7.801.323.060
7. Chi phí tài chính	22	5.25	16.866.812.677	21.071.052.762
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>16.003.590.993</i>	<i>20.179.202.842</i>
8. Chi phí bán hàng	24		257.336.517	8.543.932.276
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		34.629.078.791	33.279.113.542
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		259.911.002.233	10.245.037.620
11. Thu nhập khác	31	5.26	2.700.451.167	2.250.393.230
12. Chi phí khác	32	5.26	6.743.608.844	1.561.082.194
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	(4.043.157.677)	689.311.036
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		255.867.844.556	10.934.348.656
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	37.291.995	910.544.952
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		255.830.552.561	10.023.803.704
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	3.221	198

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015
Tổng Giám đốc



Vũ Quang Lâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2014		Năm 2013	
		VND		VND	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế	01	255.867.844.556		10.934.348.656	
2. Điều chỉnh cho các khoản					
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.702.618.957		16.761.129.848	
- Các khoản dự phòng	03	352.029.537		432.184.358	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(273.774.750.426)		(8.458.559.812)	
- Chi phí lãi vay	06	16.003.590.993		20.179.202.842	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.151.333.617		39.848.305.892	
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	111.757.921.641		(39.524.803.567)	
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	61.500.273.210		23.356.614.241	
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(128.974.324.404)		86.416.445.851	
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(253.647.755)		1.499.489.811	
- Tiền lãi vay đã trả	13	(16.003.590.993)		(20.179.202.842)	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.080.576.323)		(2.797.008.789)	
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	234.879.180		1.813.877.656	
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.400.000.000)		(1.606.055.923)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.932.268.173		88.827.662.330	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(169.758.556.156)		(251.447.988.162)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	220.454.545		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.160.000.000)		(35.575.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	62.000.000.000		1.135.292.948	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(364.020.049.400)		(144.650.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.850.000.000		1.050.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	228.048.508.101		936.102.066	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(278.819.642.910)		(428.551.593.148)	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	200.000.000.000		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	613.375.957.713		945.780.940.417	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(470.107.006.158)		(618.551.718.540)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-		(298.563.900)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.446.000)		(8.096.850)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	343.264.505.555		326.922.561.127	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	87.377.130.818		(12.801.369.691)	
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	24.436.676.575		37.238.046.266	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-		-	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	111.813.807.393		24.436.676.575	

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thanh



Lê Thị Ngọc



Vũ Quang Lâm

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 13 ngày 16 tháng 01 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 13 của Công ty là 946.474.910.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	5.429.376	54.293.760.000	5,74%
Cổ đông khác	89.218.115	892.181.150.000	94,26%
Tổng	94.647.491	946.474.910.000	100%

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết Cổ phiếu theo Quyết định số 125/QĐ-TTGDHN ngày 04/4/2008 do Giám đốc Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký, chấp thuận niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tasco. Ngày 11/4/2008, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) với mã cổ phiếu là HUT.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 04, Tòa nhà M5, số 91 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2014: Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao**Quyền sử dụng đất**

Tài sản cố định vô hình Quyền sử dụng đất là Giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn tại số 20 Điện Biên, TP. Nam Định, tỉnh Nam Định. Quyền sử dụng đất được phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, khấu hao được thể hiện theo phương pháp đường thẳng.

Đầu tư vào các công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của Công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc Đại hội cổ đông) công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa văn phòng Công ty được phân ánh ban đầu theo nguyên giá. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 đến 3 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty hoặc Đại hội cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí đi vay trong năm được vốn hóa với tổng số tiền là 48.272.281.041 đồng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	354.813.877	165.010.233
Tiền gửi ngân hàng	53.269.734.516	22.043.211.342
Tiền đang chuyển	989.259.000	1.971.455.000
Các khoản tương đương tiền	57.200.000.000	257.000.000
Tổng	111.813.807.393	24.436.676.575

5.2 Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	12.372.092.168	37.129.510.005
Đầu tư ngắn hạn khác	-	1.450.000.000
- Công ty Cổ phần Thành Công T&G	-	1.450.000.000
Tổng	12.372.092.168	38.579.510.005

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.3 Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	417.180.822	6.651.000.000
Phải thu khác	41.802.362.176	150.761.086.333
- Công ty CP Tasco 10	2.696.501.498	2.625.527.009
- Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	135.213.170.000
- Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	-	2.555.729.078
- Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	32.116.197.379	-
- Phải thu khác	6.989.663.299	10.366.660.246
Tổng	42.219.542.998	157.412.086.333

5.4 Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.219.853.353	116.720.126.563
Tổng	55.219.853.353	116.720.126.563

5.5 Thuế GTGT được khấu trừ và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	21.390.765.860	5.162.693.215
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	61.945.000	40.200.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp trước	1.104.275.772	178.245.549
Các khoản khác phải thu Nhà nước	51.601.695	152.696.325
Tổng	22.608.588.327	5.533.835.089

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	19.606.037.448	14.955.142.603
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.400.000.000	42.000.000
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	35.170.733
Tổng	25.006.037.448	15.032.313.336

Số dư tạm ứng tại ngày 31/12/2014 của Công ty là giá trị tạm ứng của các đội thi công công trình trong Công ty.

5.7 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Tasco 6 (*)	638.075.247.730	684.677.283.048
Tổng	638.075.247.730	684.677.283.048

(*): Đây là khoản phải thu từ việc chuyển giao chi phí đầu tư của 2 dự án BOT Quốc lộ 10 và BOT Quốc lộ 21 cho Công ty TNHH Một thành viên Tasco 6 (do Công ty Cổ phần Tasco sở hữu 100% vốn) để tổ chức hạch toán chi phí tương ứng với doanh thu và xác định kết quả kinh doanh từ việc thu phí của 2 trạm này.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2014	19.957.828.489	1.528.176.091	10.605.118.332	2.804.171.263	34.895.294.175
Tăng trong năm	-	-	10.973.109.091	838.433.560	11.811.542.651
Mua trong năm	-	-	10.973.109.091	838.433.560	11.811.542.651
Giảm trong năm	-	-	3.636.525.185	-	3.636.525.185
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.636.525.185	-	3.636.525.185
Số dư tại 31/12/2014	19.957.828.489	1.528.176.091	17.941.702.238	3.642.604.823	43.070.311.641
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2014	6.518.724.823	1.215.046.200	6.698.609.586	2.550.008.013	16.982.388.622
Tăng trong năm	679.052.232	91.836.587	1.576.221.026	307.319.410	2.654.429.255
Khấu hao trong năm	679.052.232	91.836.587	1.576.221.026	307.319.410	2.654.429.255
Giảm trong năm	-	-	3.316.089.641	-	3.316.089.641
Thanh lý, nhượng bán	-	-	3.316.089.641	-	3.316.089.641
Số dư tại 31/12/2014	7.197.777.055	1.306.882.787	4.958.740.971	2.857.327.423	16.320.728.236
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	13.439.103.666	313.129.891	3.906.508.746	254.163.250	17.912.905.553
Tại 31/12/2014	12.760.051.434	221.293.304	12.982.961.267	785.277.400	26.749.583.405

Trong đó:

Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2014: 23.571.637.031 đồng.

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014: 4.756.161.318 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2014	102.878.251	647.718.637	750.596.888
Tăng trong năm	-	33.000.000	33.000.000
Mua trong năm	-	33.000.000	33.000.000
Giảm trong năm	-	127.137.000	127.137.000
Giảm khác	-	127.137.000	127.137.000
Số dư tại 31/12/2014	102.878.251	553.581.637	656.459.888
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2014	30.064.944	597.956.523	628.021.467
Tăng trong năm	4.304.232	43.885.470	48.189.702
Khấu hao trong năm	4.304.232	43.885.470	48.189.702
Giảm trong năm	-	116.542.256	116.542.256
Giảm khác	-	116.542.256	116.542.256
Số dư tại 31/12/2014	34.369.176	525.299.737	559.668.913
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	72.813.307	49.762.114	122.575.421
Tại 31/12/2014	68.509.075	28.281.900	96.790.975

5.10 Xây dựng cơ bản dở dang

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tại ngày 01 tháng 01	1.282.141.503.970	1.175.445.856.142
Tăng	257.093.518.065	154.004.566.739
Giảm trong năm		
- <i>Kết chuyển chi phí</i>	12.226.315.119	47.308.918.911
Tại ngày 31 tháng 12	1.527.008.706.916	1.282.141.503.970
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Chi tiết công trình		
Dự án khu Pháp Vân	30.121.491.427	27.217.891.148
Dự án đầu tư BOT Quốc lộ 10	271.126.885.278	70.272.124.725
Đường Lê Đức Thọ	383.915.437.985	366.796.568.718
Dự án rác thải	1.876.488.843	1.876.488.843
Dự án thủy điện	1.616.199.622	1.616.199.622
Dự án Xuân Phương		
- <i>Xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và văn phòng TW Đảng (đơn vị ở số 1)</i>	10.162.871.531	9.105.623.434
- <i>Khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương (đơn vị ở số 2 và 3)</i>	506.766.995.542	499.811.464.716
Dự án Khu đô thị mới Văn Canh - Hoài Đức	270.427.354.098	280.468.532.569
Dự án Khu đất 48 Trần Duy Hưng	1.572.545.838	1.379.164.864
Dự án BT Sông Om	1.615.217.617	1.615.217.617
Dự án xây dựng Trạm thu phí Mỹ Lộc mới	47.428.052.902	21.668.435.969
Dự án nhà ở cho Cán bộ nhân viên của Bộ Ngoại giao	379.166.233	313.791.745
Tổng	1.527.008.706.916	1.282.141.503.970

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Đầu tư vào công ty con

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty TNHH MTV Tasco 6	-	50.000.000	-	50.000.000
2. Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	15.418.582	154.185.820.000	8.732.582	87.325.820.000
3. Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	181.491.876.715	-	24.585.886.936
4. Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	-	300.658.019.183	-	242.525.017.302
5. Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	306.000	3.060.000.000	200.000	2.000.000.000
Tổng	15.724.582	639.445.715.898	8.932.582	356.486.724.238

Thông tin chi tiết về Công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100,00%	Thu phí đường bộ
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	51,00%	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00%	Khai thác VLXD
4	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100,00%	Xây lắp
5	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100,00%	Xây lắp

5.12 Đầu tư vào Công ty liên kết

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty CP Bất động sản Thái An	1.696.970	16.969.700.000	1.385.000	13.850.000.000
2. Công ty CP Tasco Thăng Long	180.000	1.800.000.000	180.000	1.800.000.000
3. Công ty CP ĐT & XD Trường Giang	-	-	180.000	1.800.000.000
4. Công ty CP D.Tech	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Tổng	2.076.970	20.769.700.000	1.945.000	19.450.000.000

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Hoạt động chính
1	Công ty CP Bất động sản Thái An	Hà Nội	30%	Xây lắp
2	Công ty CP Tasco Thăng Long	Hà Nội	30%	Đầu tư xây dựng, tư vấn đầu tư XD
3	Công ty CP D.Tech	Hà Nội	20%	Xây lắp

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng CP	Giá trị VND	Số lượng CP	Giá trị VND
1. Công ty CP Tasco Du lịch	-	-	5.000	50.000.000
2. Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	900.000	4.500.000.000	450.000	4.500.000.000
3. Công ty CP Cotabig	30.000	300.000.000	30.000	300.000.000
4. Công ty Cổ phần TIC	133.000	1.330.000.000	133.000	1.330.000.000
5. Công ty Cổ phần Thành Công T&G	-	-	66.000	660.000.000
6. Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long	3.838.949	79.082.349.400	-	-
Tổng	4.901.949	85.212.349.400	684.000	6.840.000.000

Trong năm, Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện quyền 1:1. Do đó, số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tasco đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị HUD8 tăng từ 450.000 cổ phần lên thành 900.000 cổ phần.

5.14 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	5.107.475.865	6.606.965.676
Tăng	1.840.246.972	1.630.363.407
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.586.599.217	3.129.853.218
Tại ngày 31 tháng 12	5.361.123.620	5.107.475.865
Chi tiết chi phí		
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công cụ dụng cụ, chi phí khác	5.361.123.620	5.107.475.865
Tổng	5.361.123.620	5.107.475.865

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn	293.245.351.610	478.081.491.851
Vay ngắn hạn ngân hàng	293.245.351.610	438.049.839.851
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	196.669.001.083	293.011.173.591
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội	66.435.546.877	70.323.208.696
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	-	35.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long	30.140.803.650	39.715.457.564
Vay đối tượng khác	-	40.031.652.000
- Quỹ phát triển đất tỉnh Thái Bình	-	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư phát triển Thái Bình	-	13.314.652.000
- Công ty CP Đầu tư Hùng Thắng	-	3.000.000.000
- Vay cá nhân khác	-	3.717.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.428.832.409	4.428.000.000
Tổng	297.674.184.019	482.509.491.851

Trong đó:

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/232424/HĐTD ngày 30/06/2014, mức dư nợ tối đa là 209.000.000.000 đồng (Hai trăm lẻ chín tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội:

- Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức năm 2014 số 01/2014/HĐTD ngày 07/07/2014, mức dư nợ tối đa là 133.000.000.000 đồng (Một trăm ba mươi ba tỷ đồng). Giới hạn tín dụng được duy trì đến ngày 30/06/2015. Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể có thời hạn dưới 1 năm, lãi suất cho vay xác định trong từng hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng theo từng thời kỳ.

Các khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long:

- Các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 0092/2014/HĐTDHM-GPBTLO ngày 08 tháng 07 năm 2014 của Ngân hàng Dầu khí Toàn cầu, mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 đồng (Một trăm hai mươi tỷ đồng). Mục đích sử dụng tiền vay bổ sung vốn lưu động. Áp dụng lãi suất thả nổi, thay đổi 1 tháng/lần được xác định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ. Biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	117.254.105
Thuế thu nhập cá nhân	682.838.799	133.210.528
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	91.560.346
Tổng	682.838.799	342.024.979

5.17 Chi phí phải trả

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí giá vốn Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương	406.697.661	406.697.661
Trích trước giá vốn Dự án Vân Canh	12.955.820.330	12.991.135.857
Chi phí phải trả khác	442.291.982	3.923.979.014
Tổng	13.804.809.973	17.321.812.532

5.18 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	59.640.341	486.871.021
Bảo hiểm xã hội	209.697.674	168.943.881
Bảo hiểm y tế	36.293.887	33.376.491
Bảo hiểm thất nghiệp	16.130.594	13.994.362
Các khoản phải trả, phải nộp khác	115.184.552.216	162.026.688.728
- <i>Đội thi công công trình đầu tư XD CB</i>	<i>34.822.348.706</i>	<i>49.237.627.797</i>
- <i>Đội thi công công trình xây lắp</i>	<i>66.280.766.218</i>	<i>102.038.626.618</i>
- <i>Cổ tức phải trả</i>	<i>3.919.652.800</i>	<i>3.924.332.800</i>
- <i>Các khoản khác</i>	<i>10.161.784.492</i>	<i>6.826.101.513</i>
Tổng	115.506.314.712	162.729.874.483

5.19 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư XD Hà Việt	456.475.300.000	459.475.300.000
Phải trả dài hạn khác	454.226.056.807	517.265.381.620
Tổng	910.701.356.807	976.740.681.620

Trong đó:

Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

Phải trả dài hạn khác gồm các hợp đồng góp vốn, thỏa thuận đặt cọc để Công ty thực hiện các dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.20 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn	796.616.630.230	635.575.540.843
Vay ngân hàng	754.116.630.230	590.075.540.843
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	567.281.476.000	390.805.154.204
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	-	4.428.832.409
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I	154.713.054.230	166.713.054.230
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Định	24.560.000.000	26.930.000.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình	1.162.100.000	797.500.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí - Chi nhánh Thăng Long	-	401.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	6.400.000.000	-
Vay đối tượng khác	42.500.000.000	45.500.000.000
Trái phiếu phát hành	-	100.000.000.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng	796.616.630.230	735.575.540.843

Trong đó:

Hiện nay, Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. Nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo Hợp đồng BOT đã ký với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Công ty thực hiện tổ chức thu phí đường bộ tại hai trạm thu phí Tân Đệ và trạm thu phí Mỹ Lộc để hoàn vốn cho hai dự án: Dự án Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình (BOT10) và dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10 (BOT21).

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- *Hợp đồng số 10/2008/HĐTĐĐT ngày 20/8/2008, số tiền vay tối đa 236.780.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian trả nợ gốc 13 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.*
- *Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.*
- *Hợp đồng số 02/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 08/01/2014, số tiền vay tối đa 173.000.000.000 đồng, thời hạn vay 120 tháng, thời gian trả nợ gốc 114 tháng, thời gian ân hạn 06 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 10 (Km 92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - Huyện Vũ Thư - Tỉnh Thái Bình theo hình thức BOT, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.*

5.20 Vay và nợ dài hạn (Tiếp theo)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội:

- *Hợp đồng số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, số tiền vay tạm tính (gồm cả tiền Việt Nam và ngoại tệ quy đổi) 33.820.000.000 đồng, thời hạn vay 7 năm, thời gian trả nợ gốc 5 năm, thời gian ân hạn 2 năm kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay: "Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 10 (Km92+900-Km 98+400) đoạn từ cầu La Uyên đi cầu Tân Đệ - huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình", lãi suất 03 tháng đầu tiên 15,8%/năm, lãi suất thay đổi 03 tháng một lần. Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, trong đó ghi: sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.*
- *Hợp đồng số 01/2010/PLHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2010 và Phụ lục Hợp đồng số 01/2013/PLHĐ ngày 24/01/2013 bổ sung hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2008/HĐTĐTH ngày 19/11/2008, sửa đổi điều kiện rút vốn vay, điều khoản trả nợ gốc.*

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I:

- *Theo hợp đồng số 01/2009 ngày 27/3/2009 và Phụ lục hợp đồng số 01.01/2010/HĐSDTĐĐT/NHPT.SGDI và Hợp đồng tín dụng sửa đổi bổ sung số 05.01/2013/HĐSDBS-NHPT-SGDI ngày 30/1/2013, bổ sung Hợp đồng tín dụng đầu tư số 01/2009, số tiền vay tạm tính 313.000.000.000 đồng, mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70), lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ. Nguồn trả nợ dự án từ doanh thu bán BĐS dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.*

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- *Theo Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 6 tháng/1lần chi tiết theo các khoản giải ngân.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Vốn chủ sở hữu**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2013	349.976.000.000	72.222.032.987	30.289.648.858	9.445.185.906	75.222.570.041	537.155.437.792
Tăng trong năm	296.498.910.000	-	896.759.984	1.757.623.157	10.023.803.704	309.177.096.845
Tăng vốn	296.498.910.000	-	-	-	-	296.498.910.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	896.759.984	1.757.623.157	-	2.654.383.141
Lãi	-	-	-	-	10.023.803.704	10.023.803.704
Giảm trong năm	-	67.067.432.400	-	-	75.192.546.141	142.259.978.541
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	75.192.546.141	75.192.546.141
Giảm khác	-	67.067.432.400	-	-	-	67.067.432.400
Số dư tại 31/12/2013	646.474.910.000	5.154.600.587	31.186.408.842	11.202.809.063	10.053.827.604	704.072.556.096
Số dư tại 01/01/2014	646.474.910.000	5.154.600.587	31.186.408.842	11.202.809.063	10.053.827.604	704.072.556.096
Tăng trong năm	300.000.000.000	-	2.000.000.000	500.000.000	255.830.552.561	558.330.552.561
Tăng vốn (*)	300.000.000.000	-	-	-	-	300.000.000.000
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.000.000.000	500.000.000	-	2.500.000.000
Lãi	-	-	-	-	255.830.552.561	255.830.552.561
Giảm trong năm	-	1.420.536.022	-	-	3.057.659.518	4.478.195.540
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Giảm khác (**)	-	1.420.536.022	-	-	57.659.518	1.478.195.540
Số dư tại 31/12/2014	946.474.910.000	3.734.064.565	33.186.408.842	11.702.809.063	262.826.720.647	1.257.924.913.117

(*) Tăng vốn trong năm 200.000.000.000 VND: Phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cho cổ đông chiến lược theo Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10/3/2014 của Hội đồng Quản trị.

Tăng vốn trong năm 100.000.000.000 VND: thực hiện chuyển đổi trái phiếu HUT-CB2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/4/2013; Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 5 tháng 6 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

(**) Thặng dư vốn cổ phần giảm 1.420.536.022 VND: Các khoản chi phí tư vấn và chi phí khác liên quan đến phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - HUD	54.293.760.000	54.293.760.000
Vốn góp của cổ đông khác	892.181.150.000	592.181.150.000
Tổng	946.474.910.000	646.474.910.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	646.474.910.000	349.976.000.000
Vốn góp tăng trong năm	300.000.000.000	296.498.910.000
Vốn góp tại cuối năm	946.474.910.000	646.474.910.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	69.994.710.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	94.647.491	64.647.491
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	94.647.491	64.647.491
Cổ phiếu phổ thông	94.647.491	64.647.491
Số lượng cổ phiếu chưa lưu hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	94.647.491	64.647.491
Cổ phiếu phổ thông	94.647.491	64.647.491

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu***5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và xây lắp	899.642.508.854	596.494.017.556
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	58.218.734.546
Doanh thu Bất động sản	16.166.397.278	52.050.119.156
Tổng	915.808.906.132	706.762.871.258
Các khoản giảm trừ doanh thu	6.777.246.025	11.210.489.233
Giảm giá hàng bán	3.785.680.689	8.701.590.216
Hàng bán bị trả lại	2.991.565.336	2.508.899.017
Doanh thu thuần	909.031.660.107	695.552.382.025

5.23 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán sản phẩm và xây lắp	858.704.282.402	570.314.525.843
Giá vốn dịch vụ	-	12.037.534.014
Giá vốn Bất động sản	12.590.363.112	47.862.509.028
Tổng	871.294.645.514	630.214.568.885

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.24 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.743.837.424	1.150.323.060
Cổ tức, lợi nhuận được chia	266.183.378.201	6.651.000.000
Tổng	273.927.215.625	7.801.323.060

5.25 Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền vay	16.003.590.993	20.179.202.842
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	863.221.684	891.849.920
Tổng	16.866.812.677	21.071.052.762

5.26 Lợi nhuận khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản	1.018.340.909	1.264.213.865
Bán vật tư, CCDC	-	237.900.000
Thu nhập khác	1.682.110.258	748.279.365
Tổng	2.700.451.167	2.250.393.230
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản	320.435.544	1.115.679.436
Chi phí khác	6.423.173.300	445.402.758
Tổng	6.743.608.844	1.561.082.194
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	(4.043.157.677)	689.311.036

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	255.867.844.556	10.934.348.656
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	266.183.378.201	6.651.000.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.552.830.965	855.694.715
Thu nhập chịu thuế	(7.762.702.680)	5.139.043.371
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37.291.995	910.544.952
Tổng	37.291.995	910.544.952

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	255.830.552.561	10.023.803.704
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	255.830.552.561	10.023.803.704
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	79.414.614	50.714.913
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.221	198

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.233.895.812	48.463.829.989
Chi phí nhân công	27.572.668.603	32.711.497.707
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.702.618.957	16.761.129.848
Chi phí dịch vụ mua ngoài	781.295.966.957	477.976.179.748
Chi phí khác bằng tiền	6.950.793.379	15.353.241.805
Tổng	827.755.943.708	591.265.879.097

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Các giao dịch với nhân sự chủ chốt và cổ đông**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành Lương và thù lao	2.087.403.603	3.975.822.735
Tổng	2.087.403.603	3.975.822.735

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giao dịch bán hàng			
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	-	8.454.173.514
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Công ty con	163.636.364	-
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	(496.911.818)	29.925.897.498
Công ty CP Bất động sản Thái An	Công ty liên kết	-	819.289.055
Giao dịch mua hàng			
Công ty TNHH MTV Tasco 6	Công ty con	-	680.652.628.225
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Công ty con	-	14.000.000
Công ty CP Tasco Thành Công	Công ty con	191.950.000	30.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Công ty con	174.336.364	131.818.182

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
1. Các khoản phải thu	807.445.598.187	962.212.049.694
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	90.000.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	49.500.000	33.000.000
Công ty CP Bất động sản Thái An	132.102.200.000	132.102.200.000
<i>Phải thu khác</i>		
Công ty TNHH MTV Tasco 6	638.075.247.730	690.834.808.048
Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	-	135.213.170.000
Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	417.180.822	57.000.000
Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	32.116.197.379	-
Công ty CP Bất động sản Thái An	351.264.800	351.264.800
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	-	2.555.729.078
<i>Trả trước cho người bán</i>		
Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	4.334.007.456	974.877.768
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
2. Các khoản phải trả	617.968.605	617.968.605
<i>Phải trả người bán</i>		
Công ty CP Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605

6.2 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6.3 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận phân theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01 tháng 01 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	18.035.480.974
Xây dựng cơ bản dờ dang	-	1.282.141.503.970	-	1.282.141.503.970
Các khoản phải thu	389.738.612.296	404.845.786.900	690.834.808.048	1.485.419.207.244
Hàng tồn kho	116.720.126.563	-	-	116.720.126.563
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	19.333.306.799	6.340.317.491	-	25.673.624.290
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	443.997.445.102
Tổng tài sản				3.371.987.388.143
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	319.062.736.820	1.121.590.110.811	-	1.440.652.847.631
Phải trả tiền vay	255.975.761.145	822.193.771.549	-	1.078.169.532.694
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	149.092.451.722
Tổng nợ phải trả				2.667.914.832.047

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	596.494.017.556	52.050.119.156	58.218.734.546	706.762.871.258
Giảm trừ doanh thu	(8.670.662.943)	(2.539.826.290)	-	(11.210.489.233)
Doanh thu thuần	587.823.354.613	49.510.292.866	58.218.734.546	695.552.382.025
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	(10.878.170.255)	1.415.601.935	20.396.916.976	10.934.348.656
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.436.013	515.893.050	374.215.889	910.544.952
Lợi nhuận trong năm				10.023.803.704

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định không thẻ phân bổ	-	-	-	26.846.374.380
Xây dựng cơ bản dở dang		1.527.008.706.916		1.527.008.706.916
Các khoản phải thu	305.144.219.528	184.805.143.175	638.075.247.730	1.128.024.610.433
Hàng tồn kho	55.219.853.353	-	-	55.219.853.353
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	44.677.313.987	8.298.435.408	-	52.975.749.395
Tài sản không thẻ phân bổ		-	-	866.954.977.459
Tổng tài sản				3.657.030.271.936
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	250.651.371.657	1.041.353.545.921	-	1.292.004.917.578
Phải trả tiền vay	287.678.516.733	799.050.197.516	-	1.086.728.714.249
Nợ phải trả không phân bổ				20.371.726.992
Tổng nợ phải trả				2.399.105.358.819

Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	899.642.508.854	16.166.397.278	-	915.808.906.132
Giảm trừ doanh thu	(3.785.680.689)	(2.991.565.336)	-	(6.777.246.025)
Doanh thu thuần	895.856.828.165	13.174.831.942	-	909.031.660.107
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	255.776.536.636	91.307.920	-	255.867.844.556
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.737.625)	46.029.620	-	37.291.995
Lợi nhuận trong năm				255.830.552.561

6.4 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.15 và số 5.20 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị số sách	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.813.807.393	24.436.676.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.060.713.131.748	1.337.164.543.704
Đầu tư ngắn hạn	12.372.092.168	38.579.510.005
Đầu tư dài hạn	85.212.349.400	6.840.000.000
Tổng	1.270.111.380.709	1.407.020.730.284
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	1.094.290.814.249	1.218.085.032.694
Phải trả người bán và phải trả khác	1.148.630.732.922	1.339.289.437.225
Chi phí phải trả	13.804.809.973	17.321.812.532
Tổng	2.256.726.357.144	2.574.696.282.451

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính độ và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	297.674.184.019	796.616.630.230	1.094.290.814.249
Phải trả người bán và phải trả khác	237.929.376.115	910.701.356.807	1.148.630.732.922
Chi phí phải trả	13.804.809.973	-	13.804.809.973

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	482.509.491.851	735.575.540.843	1.218.085.032.694
Phải trả người bán và phải trả khác	362.548.755.605	976.740.681.620	1.339.289.437.225
Chi phí phải trả	17.321.812.532	-	17.321.812.532

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.813.807.393	-	111.813.807.393
Phải thu khách hàng và phải thu khác	422.637.884.018	638.075.247.730	1.060.713.131.748
Đầu tư ngắn hạn	12.372.092.168	-	12.372.092.168
Đầu tư dài hạn	-	85.212.349.400	85.212.349.400

01/01/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.436.676.575	-	24.436.676.575
Phải thu khách hàng và phải thu khác	652.487.260.656	684.677.283.048	1.337.164.543.704
Đầu tư ngắn hạn	38.579.510.005	-	38.579.510.005
Đầu tư dài hạn	-	6.840.000.000	6.840.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.5 Số liệu so sánh

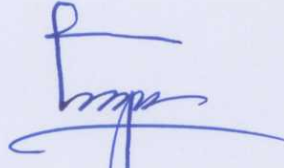
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Người lập



Trần Thị Thanh

Kế toán trưởng



Lê Thị Ngọc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Vũ Quang Lâm